

THT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2021/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S.
	Ngày: 09/11/2021..

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng
Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân
và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về định danh và xác thực điện tử đối với công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Danh tính điện tử là tập hợp dữ liệu số trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh cho phép xác định duy nhất một cá nhân trên môi trường điện tử.

2. Chủ thể danh tính điện tử là cá nhân được xác định gắn với danh tính điện tử.

3. Định danh điện tử là hoạt động thu thập, tạo lập, gắn danh tính điện tử cho cá nhân và hoạt động quản lý danh tính điện tử.

4. Xác thực điện tử là hoạt động xác minh, xác nhận của cơ quan chức năng đối với người sử dụng danh tính điện tử đúng là chủ thể danh tính điện tử.

5. Ứng dụng định danh điện tử là phần mềm do Bộ Công an tạo lập phục vụ đăng ký, quản lý định danh điện tử và xác thực điện tử.

6. Hệ thống định danh và xác thực điện tử là hệ thống do Bộ Công an xây dựng và quản lý để xử lý các yêu cầu đăng ký, cấp, quản lý định danh điện tử và xác thực điện tử.

7. Tài khoản định danh điện tử là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an.

8. Bên sử dụng dịch vụ là cá nhân, tổ chức sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử hoặc xác thực điện tử.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Cá nhân, tổ chức được khai thác và sử dụng danh tính điện tử phải tuân thủ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử của cá nhân.

2. Việc đăng ký, sử dụng, cung cấp, quản lý danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử phải bảo đảm chính xác, an toàn, bảo mật.

3. Tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 có giá trị sử dụng tương đương thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do bên sử dụng dịch vụ quyết định.

4. Định danh điện tử và xác thực điện tử là dịch vụ cung cấp để phục vụ các tiện ích của cá nhân.

Chương II
DANH TÍNH ĐIỆN TỬ, MỨC ĐỘ CỦA TÀI KHOẢN
ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 4. Danh tính điện tử

1. Danh tính điện tử của công dân Việt Nam bao gồm:

- a) Số định danh cá nhân;
- b) Họ, tên đệm và tên;
- c) Ngày, tháng, năm sinh;
- d) Giới tính;
- đ) Ảnh chân dung và vân tay.

2. Danh tính điện tử của người nước ngoài bao gồm:

- a) Số hộ chiếu hoặc số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;
- b) Họ, tên đệm và tên;
- c) Ngày, tháng, năm sinh;
- d) Giới tính;
- đ) Quốc tịch;
- e) Ảnh chân dung và vân tay (nếu có).

Điều 5. Mức độ của tài khoản định danh điện tử

1. Mức độ của tài khoản định danh điện tử gồm:

a) Mức độ 1: Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin của công dân kê khai đã được so sánh, đối chiếu tự động trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin của người nước ngoài đã được so sánh, đối chiếu trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, trừ ảnh chân dung và vân tay;

b) Mức độ 2: Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin của cá nhân kê khai đã được xác minh bằng ảnh chân dung hoặc vân tay trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

2. Việc lựa chọn sử dụng mức độ của tài khoản định danh điện tử do bên sử dụng dịch vụ quyết định.

Chương III

ĐĂNG KÝ, KÍCH HOẠT TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 6. Đăng ký tài khoản định danh điện tử

1. Cá nhân từ đủ 14 tuổi trở lên đăng ký tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng định danh điện tử.

2. Đối với cá nhân chưa đủ 14 tuổi thì đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

3. Đối với người được giám hộ khác thì đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của người giám hộ.

4. Các thông tin cần khai báo được thực hiện trên thiết bị điện tử khi cá nhân đăng ký tài khoản định danh điện tử gồm:

a) Số định danh cá nhân; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (đối với người nước ngoài);

b) Họ, tên đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính;

đ) Quốc tịch (đối với người nước ngoài);

e) Số điện thoại, email;

g) Trường hợp đăng ký cho người chưa đủ 14 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì kê khai thêm thông tin quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này của người đó.

Điều 7. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử

1. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 1 thực hiện như sau:

a) Khi công dân Việt Nam đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin công dân kê khai tại điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nếu trùng khớp thì tạo lập tài khoản định danh điện tử Mức độ 1 và gửi yêu cầu kích hoạt tài khoản cho người đăng ký qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký; người đăng ký thực hiện việc kích hoạt theo yêu cầu của Hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Khi người nước ngoài đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin người nước ngoài kê khai tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, nếu trùng khớp thì tạo lập tài khoản định danh điện tử Mức độ 1 và gửi yêu cầu kích hoạt tài khoản cho người đăng ký qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký; người đăng ký thực hiện việc kích hoạt theo yêu cầu của Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

2. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 thực hiện như sau:

a) Khi công dân Việt Nam đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin người đăng ký kê khai tại điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và so sánh, đối chiếu với ảnh chân dung hoặc vân tay của người đăng ký, nếu trùng khớp thì tạo lập tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 và gửi yêu cầu kích hoạt tài khoản cho người đăng ký qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký; người đăng ký thực hiện việc kích hoạt theo yêu cầu của Hệ thống định danh và xác thực điện tử;

b) Khi người nước ngoài đăng ký tài khoản định danh điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử so sánh, đối chiếu tự động thông tin người đăng ký kê khai tại điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều 6 Quyết định này với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và so sánh, đối chiếu với ảnh chân dung hoặc vân tay của người đăng ký, nếu trùng khớp thì tạo lập tài khoản định danh điện tử Mức độ 2 và gửi yêu cầu kích hoạt tài khoản cho người đăng ký qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký; người đăng ký thực hiện việc kích hoạt theo yêu cầu của Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 8. Sử dụng tài khoản định danh điện tử

1. Việc tạo lập tài khoản định danh điện tử của cá nhân để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử phải sử dụng danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử được tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý Công dịch vụ công quyết định.

2. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, xác thực điện tử được tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an để thực hiện hoạt động không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do tổ chức, cá nhân tự lựa chọn sử dụng.

Điều 9. Cập nhật danh tính điện tử

1. Khi có thay đổi thông tin danh tính điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh cập nhật, đồng bộ thông tin về Hệ thống định danh và xác thực điện tử và thông báo cho cá nhân có danh tính điện tử.

2. Trường hợp thay đổi thông tin danh tính điện tử chưa được điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh thì thực hiện điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Khóa tài khoản định danh điện tử

1. Khi chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình.
2. Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ.
3. Khi chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản dịch vụ đã thỏa thuận với cơ quan cấp tài khoản định danh điện tử.
4. Khi thực hiện xác lập lại hoặc hủy số định danh cá nhân.
5. Khi chủ thể danh tính điện tử chết.

Điều 11. Khôi phục tài khoản định danh điện tử đã khóa

1. Khi chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khôi phục tài khoản định danh điện tử mà trước đó đã yêu cầu khóa theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định này.
2. Khi cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ yêu cầu khôi phục tài khoản định danh điện tử mà trước đó đã yêu cầu khóa quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định này.
3. Khi chủ thể danh tính điện tử đã khắc phục vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định này và yêu cầu khôi phục tài khoản định danh điện tử.

Chương V

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ

1. Cá nhân đăng ký định danh điện tử, có tài khoản định danh điện tử:
 - a) Tuân thủ quy định về đăng ký định danh điện tử và xác thực điện tử; sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các giao dịch điện tử khác;
 - b) Cung cấp và chịu trách nhiệm về các giấy tờ, thông tin đã cung cấp cho cơ quan chức năng để tạo tài khoản định danh điện tử;
 - c) Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử, không được cho người khác sử dụng tài khoản định danh điện tử của mình, bảo đảm sử dụng tài khoản định danh điện tử an toàn;
 - d) Chịu trách nhiệm về các giao dịch đã thực hiện và quy định của các bên có liên quan đối với các giao dịch điện tử;
 - đ) Được thông báo về tình trạng hoạt động của tài khoản định danh điện tử.

2. Tổ chức, cá nhân khác sử dụng tài khoản định danh điện tử hoặc xác thực điện tử:

a) Bảo đảm hạ tầng công nghệ, an toàn, bảo mật để kết nối sử dụng dịch vụ xác thực điện tử;

b) Lựa chọn mức độ của tài khoản định danh điện tử đối với từng dịch vụ cung cấp trên môi trường điện tử;

c) Bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Xây dựng, quản lý, bảo vệ và vận hành Hệ thống định danh và xác thực điện tử bảo đảm thông suốt, liên tục, ổn định, an toàn, an ninh trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; ứng dụng tài khoản định danh điện tử vào công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về danh tính điện tử, hoạt động định danh và xác thực điện tử.

3. Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an cung cấp.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn cho cá nhân về đăng ký, quản lý định danh và xác thực điện tử.

5. Dừng cung cấp dịch vụ xác thực điện tử khi hệ thống của bên sử dụng dịch vụ không bảo đảm hạ tầng công nghệ kết nối và an toàn, bảo mật.

6. Kết nối, tích hợp Hệ thống định danh và xác thực điện tử với Nền tảng trao đổi định danh điện tử của Công dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định pháp luật.

7. Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng đánh giá an toàn mật mã đối với bên sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

9. Bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

10. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.
2. Phối hợp với Bộ Công an trong thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động định danh và xác thực điện tử.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mật mã dân sự sử dụng trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.
2. Phối hợp với Bộ Công an bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử.
3. Phối hợp với Bộ Công an để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử trong việc cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng.

Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
2. Phối hợp với Bộ Công an để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2021.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 phải được xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.
2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2023, nếu các Công dịch vụ công quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh chưa sẵn sàng kết nối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an thì việc tạo lập tài khoản để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tiếp tục được sử dụng danh tính điện tử do các tổ chức cung cấp định danh điện tử đã kết nối, tích hợp với Nền tảng trao đổi định danh điện tử trên Công dịch vụ công quốc gia.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2). 111

